TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/DS-ST
Ngày: 16-6-2025
"*V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa****:* Bà Nguyễn Cao Diễm.
- ***Các Hội thẩm nhân dân****:*

Ông Nguyễn Chí Công;

Ông Đặng Văn Hai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Vân An - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp*** *tham gia phiên tòa*: Bà Bùi Thị Thanh Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2025/TLST-DS, ngày 10/02/2025, về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2025/QĐST-DS ngày 07/5/2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 243/2025/QĐST-DS ngày 23/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần H, sinh năm: 1985, địa chỉ:, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Uỷ quyền cho ông Hứa Văn Đ, sinh năm: 1967, địa chỉ: xã Tân Khánh Đông, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Theo hợp đồng uỷ quyền ngày 23/12/2024.

- Bị đơn: Anh Lê T, sinh năm: 1974, chị Lương H, sinh năm: 1975; cùng địa chỉ: huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự điều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Hứa Văn Đ trình bày:

Vào ngày 26/11/2020 vợ chồng ông T, bà H có đến gặp bà H để vay số tiền 400.000.000đ có làm biên nhận có thảo thuận lãi suất 2%/tháng mục đích để mua bán vợ chồng ông bà còn thế chấp cho bà H một bản chính giấy chứng nhận QSD đất thửa 349 tờ bản đồ 31 nhưng từ khi vay đến nay thì ông bà chỉ đóng lãi cho bà H được 06 tháng với số tiền 48.000.000đ đếHn nay không trả vốn, lãi gì cho bà H mặc dù bà H đã nhiều lần điện thoại tìm gặp ông T, bà H nhưng vợ chồng ông T, bà H cứ hẹn mà không thực hiện nay Trần H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Lê T; Lương H cùng liên đới trả cho Trần H số tiền nợ vốn 400.000.000 đồng, lãi 0,83% tính từ ngày 26/6/2021 đến ngày 26/12/2024 là 42 tháng x 400.000.000 đồng x 0,83% = 139.440.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 539.440.000 đồng. Chị Trần H đồng ý trả lại bản chính giấy chứng nhận QSD đất thửa 349, tờ bản đồ số 31 cho Lê T; Lương H.

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn Lê T; Lương H trình bày: Vợ chồng tôi không biết chị H này và cũng không có vay tiền của chị H cũng không có thế chấp giấy chứng nhận, mà vợ chồng tôi nhớ có vay tiền của chị Ty số tiền 14.000.000đ thôi vào khoảng năm 2019 nhưng chúng tôi không có giữ giấy tờ gì hết, còn đối với biên nhận thoả thuận mượn tiền ngày 26/11/2020 thì đúng là chữ ký tên và ghi họ tên của vợ chồng tôi nhưng thật sự vợ chồng tôi không có mượn tiền của chị H nên không đồng ý với yêu cầu của chị H nhưng chúng tôi không có gì chứng minh.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu quan điểm:

- Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng pháp luật.

- Về phần nội dung: Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp thực tế, đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần H khởi kiện yêu cầu anh Lê T; chị Lương H trả tiền nợ vay, đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản. Các đương sự cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Trần H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Lê T; Lương H cùng liên đới trả cho Trần H số tiền nợ vốn 400.000.000 đồng, lãi 0,83% tính từ ngày 26/6/2021 đến ngày 26/12/2024 là 42 tháng x 400.000.000 đồng x 0,83% = 139.440.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 539.440.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là biên nhận thoả thuận mượn tiền điều có chữ ký tên, ghi họ tên Lê T; Lương H và ông T, bà H cũng thừa nhận chữ ký tên ghi họ tên trên biên nhận là của ông bà nhưng ông bà không thừa nhận là có mượn tiền của chị H mà chỉ có mượn tiền của chị Tuy nhưng Toà án cũng đã mời chị Tuy làm việc thì tại biên bản lấy lời khai ngày 06/6/20258 chị Tuy, anh Tâm trình bày không biết ông bà là ai và từ trước đến nay cũng không có cho ông bà vay tiền, anh Tâm, chị Tuy từ chối tham gia tố tụng và đối chất, ngoài ra thì ông bà cũng không có gì để chứng minh nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết, có đủ cơ sở để xác định Lê T; Lương H nợ tiền Trần H số tiền 400.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Trần H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Trần H đồng ý trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 399140 số vào sổ cấp GCN: CH06113 do UBND huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Lê T, bà Lương H nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của đương sự.

Đối với tiền lãi khi vay có thỏa thuận lãi xuất nhưng đến hạn trả nợ Lê T; Lương H không trả nên Trần H tính tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với lãi xuất 0,83% tính từ ngày 26/6/2021 đến ngày 26/12/2024 là 42 tháng x 400.000.000 đồng x 0,83% = 139.440.000 đồng là phù hợp, đối với khoảng tiền lãi 48.000.000đ mà ông T, bà H đóng với lãi xuất 2% là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại phần lãi này với mức lãi xuất theo quy định là 1,66% x 06 tháng x 400.000.000đ = 39.840.000đ trừ vào số tiền 48.000.000đ dư 8.160.000đ nên trừ vào số tiền lãi 139.440.000đ còn lại 131.280.000đ là phù hợp theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 466, Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định:

"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định:

"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi xuất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác…".

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Trần H.

2. Buộc Lê T; Lương H trả cho Trần H số tiền nợ vốn là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), lãi 131.280.000 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng), tổng cộng vốn và lãi là 531.280.000 đồng (Năm trăm ba mươi mốt triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Trần H đồng ý trả lại cho Lê T; Lương H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 399140 số vào sổ cấp GCN: CH06113 do UBND huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Lê T, bà Lương H.

4. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Lê T; Lương H phải liên đới chịu 25.251.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi mốt nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trần H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Trần H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 14.800.000 đồng (Mười bốn triệu, tám trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0005663, ngày 07/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (16/6/2025).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CCTHADS huyện Lai Vung;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Cao Diễm